

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2024/DS-ST

Ngày: 11-03-2024

*"V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản"*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Quế Hương.**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Trung Du.**

Bà **Trần Thị Thu Hà.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Kiều Minh Tiến** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tham gia phiên
tòa:** Bà **Nguyễn Huỳnh Lệ U** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 03 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 370/2023/TLST – DS ngày 31 tháng
10 năm 2023 về **"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"** theo quyết định đưa vụ án
ra xét xử số: 26/2024/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2024 của Tòa án
nhân dân huyện Vũng Liêm giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị D**, sinh năm: 1978 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm: 1960 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa
nguyên đơn chị Phạm Thị D trình bày:*

Vào ngày 01/10/2012 chị D có cho bà L vay số tiền 33.308.000đ, khi cho vay không có làm biên nhận, có thỏa thuận miệng lãi là 5%/tháng và có thỏa thuận khi nào chị D cần tiền thì chị D sẽ báo trước cho chị L 30 ngày để trả lại vốn. Sau khi vay thì bà L không có đóng lãi và cũng không có trả vốn cho chị D. Đến ngày 22/10/2013 thì bà L có lập cho chị D cam kết trả nợ số tiền 33.308.000đ và không tính lãi cho đến tháng 01/2014, từ tháng 02/2014 thì bà L phải trả mỗi tháng cho chị D số tiền là 500.000đ cho đến khi hết nợ, nếu bà L không thực hiện đúng cam kết thì bà L phải trả lãi theo lãi suất Ngân hàng. Sau khi lập cam kết thì bà L không có trả nợ cho chị D theo đúng thỏa thuận.

Nay chị D khởi kiện yêu cầu bà L phải trả lại số tiền vốn vay là 33.308.000đ. Trước đây chị D có yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất là 1%/tháng nhưng nay chị D thay đổi yêu cầu, chị D chỉ yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất là 10%/năm, tiền lãi tính từ ngày 01/03/2014 đến ngày 01/03/2024 là 10 năm: $33.308.000đ \times 10\%/năm \times 10 \text{ năm} = 33.308.000đ$, tổng cộng chị D yêu cầu bà L phải trả lại số tiền vốn và lãi là 66.616.000đ. Chị D chỉ khởi kiện yêu cầu bà L trả nợ không yêu cầu ai phải có trách nhiệm liên đới trả nợ.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:***

Chị D trình bày là không đúng. Trước đây bà L có tham gia hội do chị D là đầu thảo. Vào tháng 10 năm 2013 thì chị D có khởi kiện bà L tại Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm. Sau đó thì chị D và bà L có tổng kết lại số tiền bà L nợ chị D là 33.308.000đ (trong số tiền này có 27.000.000đ là tiền nợ hội, số tiền còn lại chị D tự cộng vào bà L không biết đó là số tiền gì), bà L có lập cho chị D cam kết trả nợ ngày 22/10/2013, trên Giấy cam kết bà L có điểm chỉ và có thỏa thuận không tính lãi cho đến tháng 01/2014, từ tháng 02/2014 thì bà L phải trả mỗi tháng cho chị D số tiền là 500.000đ cho đến khi hết nợ, nếu bà L không thực hiện đúng cam kết thì bà L phải trả lãi theo lãi suất Ngân hàng.

Sau đó bà L đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho chị D theo như thỏa thuận, bà L đã trả cho chị D 67 lần, mỗi lần là 500.000đ, riêng lần cuối là 308.000đ, tổng cộng đã trả số tiền là 33.308.000đ.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của chị D thì bà L không đồng ý vì bà L đã trả hết nợ cho chị D.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long có ý kiến:*** về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham

gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là phù hợp pháp luật.

Hướng giải quyết vụ án:

Hợp đồng vay tài sản và góp hui giữa chị D và bà L đang được thực hiện và có nội dung hình thức phù hợp với Bộ luật dân sự năm 2015 do đó theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

Chị D khởi kiện yêu cầu bà L phải trả lại số tiền vốn là 33.308.000đ và số tiền lãi là 33.308.000đ. Chị D có cung cấp cho Tòa án 01 biên nhận ngày 01/10/2012. Bà L thừa nhận số dấu điểm chỉ trên biên nhận mà chị D cung cấp là của bà số tiền trên biên nhận là 33.308.000đ, trong đó có 27.000.000đ là tiền hui và số tiền còn lại chị D tự viết vào nên bà L không biết. Bà L đã trả đủ số tiền nợ này cho chị D 67 lần, mỗi lần là 500.000đ, riêng lần cuối là 308.000đ như đã thỏa thuận nên bà L không đồng ý theo yêu cầu của chị D. Ngoài lời trình bày, bà L không cung cấp được tài liệu chứng cứ, chứng minh cho lời trình bày bà. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị D. Buộc bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ trả cho chị Phạm Thị D số tiền là 66.616.000đ.

- Về án phí:

Buộc bà L phải nộp theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bà L là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí nên bà L được miễn nộp án phí. Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu và quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Chị D có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết tranh chấp hợp vay tài sản với bà Nguyễn Thị L. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

[2] Chị D yêu cầu bà L phải trả lại số tiền vốn là 33.308.000đ và tiền lãi tiền lãi tính từ ngày 01/03/2013 đến ngày 01/03/2024 là 10 năm thành tiền là 33.308.000đ, tổng cộng là 66.616.000đ.

[3] Hợp đồng vay tài sản giữa chị D và bà L đang được thực hiện và có nội dung hình thức phù hợp với Bộ luật dân sự năm 2015 do đó theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[4] Chị D có cung cấp cho Tòa án 01 Giấy cam kết trả nợ ngày 22/10/2023. Bà L thừa nhận có điểm chỉ trên biên nhận do chị D cung cấp và có nợ chị D số tiền là 33.308.000đ nhưng trong số tiền này có 27.000.000đ là tiền nợ hụi, số tiền còn lại chị D tự cộng vào bà L không biết đó là số tiền gì. Chị D thừa nhận số tiền theo Giấy cam kết trả nợ mà chị D cung cấp có 01 phần tiền hụi và một phần tiền vay; vào năm 2013 chị D có khởi kiện bà L tại Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm về số tiền hụi và vay này nhưng khi Tòa án mời giải quyết thì chị D và bà L đã thống nhất tổng kết nợ, chuyển toàn bộ thành tiền vay và thỏa thuận được phương thức trả nợ nên chị D đã rút đơn khởi kiện. Tại Giấy cam kết trả nợ ngày 22/10/2023 thì có nội dung “*Tôi có nợ chị Phạm Thị D số tiền vai là 33.308.000đ*”; Do vậy, Hội đồng xét xử xác định số tiền mà chị D khởi kiện bà L là số tiền vay. Bà L trình bày bà đã trả nợ chị D 67 lần, mỗi lần là 500.000đ, riêng lần cuối là 308.000đ, tổng cộng đã trả là 33.308.000đ nên bà L không còn nợ chị D. Ngoài lời trình bày, bà L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Do đó, chị D yêu cầu bà L phải trả lại số tiền vốn 33.308.000đ là có căn cứ để chấp nhận.

[5] Xét đối với yêu cầu tính lãi của chị D. Theo biên nhận ngày 22/10/2023 có ghi thời gian bắt đầu trả nợ là tháng 02/2014, trường hợp bà L không trả thì tính lãi suất theo mức lãi suất Ngân hàng. Do bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên việc chị D yêu cầu bà L phải trả lãi theo mức lãi suất là 10%/năm kể từ ngày 01/03/2014 đến ngày 01/03/2024 là đúng theo thỏa thuận giữa các bên và phù hợp theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Như vậy, số tiền lãi bà L phải trả cho chị D là 33.308.000đ.

[6] Từ những nhận định trên đã có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị D .

Buộc bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ trả cho chị Phạm Thị D số tiền là 66.616.000đ.

[7] Xét đề nghị của vị kiểm sát viên là có cơ sở nên chấp nhận.

[8] Án phí sơ thẩm:

- Buộc bà L phải nộp $66.616.000đ \times 5\% = 3.330.500đ$ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960 là người cao tuổi, có đơn yêu cầu miễn án phí nên ông, bà được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 465, khoản 1 Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 2 của Luật người cao tuổi, khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

** Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Diễm .

Buộc bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ trả cho chị Phạm Thị D số tiền là 66.616.000đ (sáu trăm mười sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành án xong, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị L được miễn nộp án phí do bà Nguyễn Thị L là người cao tuổi.

Chị Phạm Thị D không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho chị Phạm Thị D số tiền tạm ứng án phí là 1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số N⁰ 0008427 ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và

Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Quế Hương